

PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU MỆNH ĐỀ PHỤ ĐẢM NHIỆM CHỨC NĂNG TRẠNG NGỮ CHỈ SỰ SO SÁNH TRONG TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG VIỆT. NHỮNG GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH

Nguyễn Lâm Trung⁽¹⁾

1. Phân tích đối chiếu mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng trạng ngữ chỉ sự so sánh trong tiếng Pháp và tiếng Việt

Khác với loại mệnh đề phụ chỉ thời gian hay mệnh đề phụ chỉ hệ quả, có một số tác giả Việt Nam công nhận sự tồn tại của loại mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt, trong số đó phải kể đến Nguyễn Kim Thản, Hoàng Trọng Phiến, Diệp Quang Ban, Nguyễn Hữu Quỳnh..., mặc dù Nguyễn Kim Thản và Diệp Quang Ban chỉ thừa nhận nó như một bộ phận của loại câu ghép bao trùm hơn, đó là "*câu ghép qua lại*", đặc biệt là các cấu trúc có kết cấu với những cặp *đại từ hô ứng*. Có tác giả gọi loại câu này là *câu ghép tương ứng*.

Trong tiếng Pháp, các mệnh đề phụ so sánh được tạo dẫn vào câu phức với các phương tiện hết sức đa dạng. Mệnh đề phụ so sánh có mối quan hệ hết sức mật thiết với mệnh đề chính, không những chỉ về ý nghĩa (như các loại mệnh đề phụ khác) mà đặc biệt là mối quan hệ về cấu trúc, sự hòa trộn giữa hai mệnh đề chính phụ đôi khi gắn kết đến mức người ta không thể chỉ ra đâu là mệnh đề chính và đâu là mệnh đề phụ và người ta đặt câu hỏi có thực sự tồn tại sự phụ thuộc cú pháp hay không? Chính vì vậy có tác giả cho rằng phải phân biệt ra hai loại câu so sánh, câu so sánh tường minh và câu so sánh tiềm ẩn. Trong loại câu

thứ hai, người ta cho rằng có thể coi đây là loại câu ghép đẳng lập với kết từ sóng đôi tương ứng, trong đó hai mệnh đề là các mệnh đề độc lập, tuy nhiên được kết nối với nhau bằng các kết từ mang ý nghĩa so sánh. Chúng tôi cho rằng, dù sao về kết cấu mà nói nên coi đây là câu ghép chính phụ vì tính độc lập rất yếu của cả hai mệnh đề, tuy rằng việc xác định chính/phụ là khó khăn. Về điểm này, các tác giả Việt Nam rất có lý khi xếp loại câu này là *câu ghép qua lại* hay *câu ghép tương ứng*. Tuy nhiên, không nên vì thế mà phủ nhận sự tồn tại của câu phức có mệnh đề phụ so sánh trong các trường hợp khác. Vậy quan điểm của chúng tôi là công nhận sự tồn tại của mệnh đề phụ so sánh, và phân biệt hai loại câu so sánh: tường minh và tiềm ẩn.

Các nhà ngữ pháp học Pháp thường phân chia mệnh đề phụ so sánh không bằng tiêu chí hình thức, mà bằng tiêu chí ý nghĩa. Có ba loại câu so sánh.

a) So sánh tương đương giữa hai vế

Trong loại câu này, các tác giả lại dựa vào hình thái của các kết từ để phân thành các loại sau:

- So sánh thuần túy:

Sa présence ne nous manque pas encore en profondeur **comme** pourrait nous manquer le pain. (Saint-Exupéry)

⁽¹⁾ PGS.TS., Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- So sánh mức độ:

Il estime Rodrigne **autant que vous l'aimez**. (Corneille)

b) *So sánh khác biệt giữa hai vế*

Các kết từ được sử dụng thường là các kết từ tạo hợp, phần đầu của kết từ nằm trong mệnh đề chính là một trạng từ chỉ mức độ và phần thứ hai là kết từ *que* nằm ở đầu mệnh đề phụ. Cũng có thể đó là các kết từ ghép. Chúng ta có:

- Các kết từ tạo hợp:

Maitre Mouche est **encore plus** jaune **que je n'avais cru**. (A. France)

- Các kết từ ghép:

Je suis tout **autre que je ne suis**. (P. Valéry)

c) *So sánh tỷ lệ giữa hai vế*

Tỷ lệ so sánh ở đây có thể cùng chiều, có thể ngược chiều, và trong mức so sánh đó có thể có thêm các nét nghĩa khu biệt khác, ví dụ như sự nhấn mạnh khẳng định, sự lựa chọn hơn, sự sửa sai...

- Mais je le poursuivrai **d'autant plus qu'il m'évite**. (Racine)

- **Selon que vous serez puissant ou misérable**, les jugements de cour vous rendront blanc ou noir. (La Fontaine)

Về mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Pháp, chúng ta lưu ý một số điểm sau. Trước hết, tính chất phụ thuộc và tính chất trạng ngữ câu của các mệnh đề được gọi là phụ rất mờ nhạt và đôi khi vô đoán. Như ta đã phân tích, chẳng hạn trong câu so sánh tỷ lệ giữa hai vế, vế nào làm trạng ngữ câu cho vế nào là khó xác định.

- **Plus** il travaille, **plus** il gagne.

- **Plus** il va, **moins** il se donne de peine.

Thực ra, mối quan hệ so sánh giữa hai vế được thực hiện nhờ chủ yếu vào sự sử dụng các trạng từ và kết từ khác chứ không phải vào cấu trúc cú pháp như trong các loại mệnh đề phụ khác. Mỗi quan hệ này được xây dựng lên không chỉ xung quanh yếu tố động từ mà cả với các yếu tố khác.

- Il est parti **plus** tôt **qu'on ne l'avait prévu**.

Sự khác biệt so với các loại mệnh đề phụ khác còn thể hiện ở chỗ người ta có thể lựa chọn một bộ phận nào đó của mệnh đề chính để tạo sự so sánh, có nghĩa là tạo mối quan hệ với mệnh đề phụ được xây dựng lên, chứ mệnh đề phụ không hẳn là trạng ngữ cho cả nhóm chủ vị làm mệnh đề chính.

- **Ponctuel comme il est**, ce retard est bizarre.

Ở đây, nếu kết từ "*comme*" tạo dẫn một mệnh đề phụ làm trạng ngữ câu thì đó phải là một mệnh đề phụ chỉ nguyên nhân: "**Vì mọi khi anh ấy rất đúng giờ nên** sự đi muộn này là thật khó hiểu". Còn thực ra ở đây, người nói muốn so sánh giữa một thói quen "đúng giờ" và một hiện tượng "đến muộn", và vì vậy *comme* ở đây tạo dẫn một mệnh đề phụ so sánh: "- Sao một người luôn đúng giờ như anh ta lại đến muộn như lần này!".

Các kết từ (liên từ phụ thuộc) chính biểu đạt sự so sánh trong tiếng Pháp là: *comme, ainsi, comme si, de même que, autant, tel, tant, aussi... que, si... que, autant... autant, tel... tel..., le même... que, aussi bien que, plus... que, encore plus... que, moins... que, moins encore... que, mieux... que, meilleur... que, plutôt ... que, autre... que, pire... que, autre que, mieux que, plus que, moins que,*

davantage que, plus... plus, moins... moins, plus... moins, moins... plus, selon que, à mesure que, suivant que, d'autant plus que, d'autant moins que, ...

Trong tiếng Việt, như đã nói ở trên, đa số các tác giả không xếp loại mệnh đề phụ so sánh bình đẳng với các loại mệnh đề phụ khác. Dù có những đặc điểm khác biệt, chúng tôi cho rằng xét chức năng cú pháp mà nói, cần công nhận sự tồn tại của loại mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt. Mặt khác đây lại là một loại mệnh đề phụ rất đặc biệt và rất thông dụng trong sử dụng ngôn ngữ thông thường. Chúng ta có thể chia các mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt ra thành bốn loại chính, đi cùng với các kết từ tương ứng.

a) *So sánh tương đương giữa hai vế*

- Một liều ba bảy cũng liều

Cầm bằng con trẻ chơi điều đứt dây. (Ca dao)

- Đường vào sẽ nổi lại đường ra

Như con của mẹ về thăm mẹ. (Tố Hữu)

- Thuyền không lái **như** gái không chồng. (Ca dao)

b) *So sánh khác nhau giữa hai vế*

- Thua trời một vạn **không bằng** thua bạn một ly. (Tục ngữ)

- Chúng ta đợi cô ấy ở đây **hơn là** chúng ta đi tìm cô ấy.

- Tôi buồn cau **thua** cô ấy buồn trâu.

- **Nếu** tỉnh anh có mịa thì tỉnh tôi lại có nhiều dứa.

c) *So sánh tỷ lệ giữa hai vế*

- Chiếc xe **càng** đến gần phố Hàng Cót, Phượng **càng** bồi hồi.

- Công nhân **càng** nôn nóng, các biện pháp áp dụng **càng** kém hiệu quả.

- Tòa sẽ xét xử tội trạng của anh **tùy theo** anh có thành khẩn hay không trong các lời khai của mình.

d) *So sánh đối ứng giữa hai vế*

- Ngoài kia tiếng gõ cửa mạnh **bao nhiêu**, trong này trống ngực tôi mạnh **bấy nhiêu**. (Nguyễn Công Hoan)

- Tôi đi **đâu**, nó theo **đấy**.

- Anh cần lúc **nào**, tôi đến lúc **ấy**.

- Nó nói **saο** tôi làm **vậy**.

Các cấu trúc cơ bản nhất của câu phức có mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt là:

1. **k** (C - V) (C - V)

- **Như** cậu học sinh quay cốp bài bị bắt quả tang, anh ta thẹn thùng cúi mặt xuống gầm bàn.

2. (C - V) **k** (C - V)

- Bác yêu mến các chiến sỹ **như** người mẹ yêu quý các con.

3. C **k** (C - V) V

- Nhà thơ, **như** người lính chiến đấu trên mặt trận, cũng cần phải biết xung phong.

4. **k**₁ (C - V) **k**₂ (C - V)

- **Nếu** Đại hội Đảng lần thứ II là Đại hội kháng chiến thì Đại hội lần thứ III là Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

5. C **k**₁ V (**k**₂) C **k**₃ V

- Chúng ta **càng** nhân nhượng, thực dân Pháp **càng** lấn tới... (Hồ Chí Minh)

- Bố mẹ **càng** dỗ thì nó **càng** khóc dữ.

6. (C - V) **k**₁ (C - V) **k**₂

- Nó thích quyền **nào** tôi cho nó quyền **ấy**.

- Giặc đi đến **đâu** chúng giết dân đến **đấy**.

7. C **k**₁ V **k**₂ (**k**₃) C **k**₄ V **k**₅

- Đế quốc càng áp bức nặng nề bao nhiêu thì cuộc đấu tranh càng ác liệt bấy nhiêu.

Các kết từ chính biểu đạt sự so sánh trong tiếng Việt là: *như, ví như, giống như, y như, tựa như, hết như, cứ như, cứ như là, tựa hồ như, dường như, hình như, cũng như, cảm như, cảm bằng, hơn, hơn là, kém, thua, không bằng, không như, không giống, khác với, nếu... thì, càng... càng, càng kém... càng kém, càng... càng kém, theo, tùy theo, dựa theo, ai... nấy, ai... người ấy, nào... ấy, nào... này, nào... đó, gì... ấy, gì... nấy, đâu... đấy, sao... vậy, nấy... nấy, bao nhiêu... bấy nhiêu, ...*

Đối chiếu các cấu trúc trên đây với các cấu trúc tiếng Pháp, chúng ta nhận thấy có nhiều điểm tương đồng và khác biệt khá thú vị.

Cấu trúc (1) và (2) cũng như trong các loại mệnh đề phụ khác là các cấu trúc chính và tồn tại song song trong hai thứ tiếng.

- *De même que ses parents allaient prier chaque dimanche à l'église, il y est allé pour se rassurer lui-même.*

→ - *Cũng như bố mẹ đi nhà thờ cầu kinh mỗi chủ nhật, cậu ấy đến đấy để tự trấn an mình.*

- *Il m'a traité comme s'il était mon patron.*

→ - *Nó cư xử với tôi cứ như nó là ông chủ của tôi.*

Cấu trúc (3) cũng là một cấu trúc thông dụng trong tiếng Pháp, khi, như trong tiếng Việt, muốn nhấn mạnh vào thành phần chủ ngữ (như là khởi ngữ hoặc hô ngữ). Chính vì vậy mà sau khi chêm mệnh đề phụ so sánh vào, người ta

có thể nhắc lại chủ ngữ bằng cách sử dụng một đại từ nhân xưng.

- Nhà thơ, *như người lính chiến đấu trên mặt trận*, cũng phải biết xung phong.

→ - *Le poète, de même qu'un soldat combattait sur son champ de bataille, devait savoir être à l'assaut.*

- Nhà thơ, cũng như người lính chiến đấu trên mặt trận, *họ* cũng phải biết xung phong.

→ - *Le poète, de même qu'un soldat combattait sur son champ de bataille, il devait savoir être à l'assaut.*

Cấu trúc (4) có sự tương đương trong tiếng Pháp. Tuy nhiên ở đây chỉ là sự tương đương một phần mà thôi. Cấu trúc k_1 (C - V) k_2 (C - V) trong tiếng Việt chỉ áp dụng cho trường hợp k_1 là kết từ *nếu* (chỉ sự so sánh) và k_2 là kết từ *thì*. Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, người ta vẫn sử dụng kết từ chỉ điều kiện này để chỉ sự so sánh, đó là kết từ *Si*. Tuy nhiên vì không có cặp kết từ sóng đôi nên k_2 không tồn tại.

- *Si la pauvreté est la mère des crimes, le défaut d'esprit en est le père.* (La Bruyère)

→ - *Nếu nghèo đói là mẹ của tội phạm, thì nhận thức sai lệch chính là bố của những tội phạm đó.*

Ngược lại, cấu trúc k_1 (C - V) k_2 (C - V) chỉ sự so sánh, rất thông dụng trong tiếng Pháp với các cặp kết từ đồng nhất song ứng như: *plus... plus, plus... moins, autant ... autant, tel... tel, ...*, lại không có cấu trúc tương ứng trong tiếng Việt, mà sẽ được chuyển dịch sang cấu trúc (5) hoặc cấu trúc (6).

- *Moins il travaille, plus il s'ennuie.*

→ - Nó **càng ít** làm việc, nó **càng** buồn chán. (5)

- **Autant** il a de vivacité, **autant** vous avez de nonchalance.

→ - Nó **hiệt huyết bao nhiêu**, các anh lại **uể oải bấy nhiêu**. (6)

Như vậy, chúng ta thấy sự chuyển dịch giữa các cấu trúc Pháp - Việt:

Pháp

Việt

- k_1 (C-V) k_2 (C-V) → - C k_1 V C k_2 V

- k_1 (C-V) k_2 (C-V) → -(C-V) k_1 (C-V) k_2

Tuy nhiên việc chuyển dịch này không chỉ đơn giản như vậy. Cấu trúc với các kết từ hô ứng (C-V) k_1 (C-V) k_2 thông thường không được biểu đạt bằng một cấu trúc hô ứng trong tiếng Pháp như trong các ví dụ trên, mà nó thường được biểu đạt bằng cách sử dụng các mệnh đề phụ quan hệ (subordonnée relative).

- Nó thích quyển **nào**, tôi cho nó quyển **ấy**.

→ - Je lui donnerai **le livre qu'il préfère**.

- Giặc đi đến **đâu**, chúng giết dân đến **đấy**.

→ - **Là où** les ennemis venaient, ils ont tué la population.

- Nó nói **sao** tôi làm **vậy**.

→ - J'ai fait **ce qu'il m'avait dit**.

Như vậy chúng ta thấy, thật khó khăn để biểu đạt tính chất hô ứng trong các cấu trúc tiếng Việt chuyển sang tiếng Pháp. Sự tồn tại của các "câu ghép qua lại" hay "câu ghép tương ứng" này thực sự là một đặc trưng độc đáo của tiếng Việt.

Còn cấu trúc (7) thực ra là một biến thể của cấu trúc (6), hay nói đúng hơn là sự kết hợp của cấu trúc (5) và cấu trúc (6), có nghĩa là nó vừa biểu đạt sự so

sánh tỷ lệ giữa hai vế - cấu trúc (5), vừa biểu đạt sự so sánh đối ứng giữa hai vế - cấu trúc (6).

- Để quốc **càng** áp bức, cuộc đấu tranh **càng** ác liệt
- Để quốc áp bức **bao nhiêu**, cuộc đấu tranh ác liệt **bấy nhiêu**.

→ - Để quốc **càng** áp bức **bao nhiêu**, cuộc đấu tranh **càng** ác liệt **bấy nhiêu**.

Trong tiếng Pháp, kết từ *autant* cùng một lúc đảm nhiệm nhiệm vụ biểu đạt cả hai sắc thái này (tỷ lệ và đối ứng).

Trong phân tích đối chiếu, chúng ta cũng nhận thấy kết từ *như là* trong tiếng Việt mang nghĩa so sánh chung chung, mờ nhạt hơn là các kết từ so sánh trong tiếng Pháp, mang những sắc thái phụ rất rõ nét.

- Ông ta coi trọng Rodrigue **như** là anh quý trọng anh ấy.

→ - Il estime Rodrigue **autant que** vous l'aimez. (chỉ lượng)

- Il estime Rodrigue **comme** vous l'aimez. (chỉ cách thức)

2. Các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng trạng ngữ chỉ sự so sánh

Mệnh đề phụ so sánh cũng là loại mệnh đề phụ không được công nhận rộng rãi trong giới Việt ngữ. Tuy nhiên, so với mệnh đề phụ chỉ thời gian, sự tồn tại của loại mệnh đề này được nhiều tác giả ủng hộ hơn. Phải nói rằng mệnh đề phụ so sánh là loại mệnh đề có cấu tạo và hệ thống từ tạo dẫn vừa phong phú vừa đặc biệt và chính sự phong phú và đặc biệt ấy đã tạo ra những giải pháp chuyển dịch hết sức lý thú giữa tiếng Việt và tiếng Pháp. Mặt khác, như đã phân tích

ở chương II, đây là loại câu mà mối liên hệ giữa mệnh đề chính với mệnh đề phụ rất chặt chẽ, và trong rất nhiều trường hợp mối liên hệ này gắn kết đến mức khó xác định đâu là mệnh đề chính, đâu là mệnh đề phụ. Đã có tác giả đề xuất ý kiến coi các câu ghép được gọi là **qua lại** hay **tương ứng** là một loại câu ghép đẳng lập. Tuy nhiên xét về hệ thống và ý nghĩa, chúng ta nên xếp chúng cùng vào loại câu phức có mệnh đề phụ so sánh.

Bây giờ chúng ta xem xét các phương thức chuyển dịch các mệnh đề này trên ba bình diện: cấu trúc, từ tạo dẫn và các phương thức ngôn ngữ khác biểu đạt sự so sánh.

Về mặt cấu trúc, chúng ta nhận thấy có sự tương ứng giữa ba cấu trúc sau đây trong tiếng Việt và tiếng Pháp :

- k (C - V) (C - V)
- (C - V) k (C - V)
- C k (C - V) V

Vì vậy, khi chuyển dịch chúng ta có thể sử dụng các cấu trúc tương đương này. Chúng ta lưu ý, thường khi muốn nhấn mạnh đến ý so sánh, người ta đặt mệnh đề phụ lên trước mệnh đề chính.

- Tôi nói với cháu **hệt như là** tôi nói với đứa con đẻ của mình.

- Je vous parle **comme je parle à mon propre fils**.

- **De même que** le feu éprouve l'or, l'adversité éprouve l'homme courageux.

- **Cũng như** lửa thử vàng, sự bất hạnh thử thách con người dũng cảm.

Cấu trúc với liên từ **si** chỉ sự so sánh là một cấu trúc đặc biệt trong tiếng Pháp, và cấu trúc này cũng có sự chuyển dịch tương đương trong tiếng Việt cũng với từ tạo dẫn **nếu**, chỉ có điều trong

tiếng Việt kết từ k_2 **thì** thường xuất hiện và trong một số trường hợp là một kết từ bắt buộc.

- **S'il ressemble à son père comme les deux gouttes**, on ne trouve chez lui aucun trait physique de sa mère.

- **Nếu nó giống bố như hai giọt nước thì** lại không có một nét nào của mẹ cả.

Tuy nhiên cấu trúc so sánh có nét nghĩa tỷ lệ trong tiếng Pháp khi chuyển sang tiếng Việt không thể giữ nguyên cấu trúc cũ. Các kết từ sóng đôi được chuyển vào vị trí giữa chủ ngữ và vị ngữ. Đây là điểm khác biệt rất cơ bản cần lưu ý khi chuyển dịch.

K_1 (C - V) k_2 (C - V) [tiếng Pháp]

- **Plus** le temps passe, **moins** il regrette sa décision.

C k_1 V C k_2 V [tiếng Việt]

- Thời gian **càng** trôi đi, anh ấy **càng không** ân hận về quyết định của mình.

Cấu trúc (C - V) k_1 (C - V) k_2 trong tiếng Việt là một đặc trưng riêng của ngôn ngữ này, mang tính tình thái cao, mà người Pháp sẽ dựa vào từng chu cảnh cụ thể để sử dụng các cấu trúc khác nhau biểu đạt ý so sánh. Khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp, chúng ta cần lưu ý bản chất ngữ pháp của các tiền từ mà các đại từ chỉ định bổ nghĩa để lựa chọn từ và cấu trúc phù hợp với câu tiếng Việt. Các phương thức chuyển dịch là rất khác nhau, thường là sử dụng một mệnh đề phụ quan hệ.

Chẳng hạn một số ví dụ sau:

- Nó thích quyển **nào**, tôi cho quyển **ấy**.

- Je lui donnerai **le livre qu'il** préfère.

- Nó nói **sao** tôi làm **vậy**.
- J'ai fait **ce qu'il** m'avait dit.
- **Ai** gieo gió **người ấy** sẽ gặt bão.
- **Qui** sème le vent récolte la tempête.

Thậm chí trong tiếng Pháp, người ta sử dụng cả cấu trúc với mệnh đề phụ chỉ những sắc thái nghĩa khác để chuyển dịch một mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt.

- Anh cần **lúc nào**, tôi đến **lúc ấy**.
- **Quand tu auras besoin de moi**, je viendrai. (*mệnh đề phụ thời gian*)

Về mặt kết từ tạo dẫn, chúng ta có thể phân thành hai loại lớn, các kết từ chỉ sự *so sánh tương đương* và các kết từ chỉ sự *so sánh không tương đương*. Trong từng loại lớn, chúng ta lại chia thành những tiểu loại nhỏ hơn.

a) *Kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ chỉ sự so sánh tương đương*

Các kết từ loại này được chia thành ba tiểu loại.

a.1. Các kết từ chỉ sự so sánh tương đương thuần túy.

- Như, cứ như, giống như, ví như, ý như, tựa, tựa như, hồ như, cũng như, hết như, dường như, thể như, như là, khác nào, khác gì, chẳng như, như là, cầm như, bằng, cầm bằng, ...

- Comme, comme si, de même que, ainsi que, tel que...

a.2. Các kết từ chỉ sự so sánh tương đương tỷ lệ

- Càng... càng, càng ít (kém, không) ... càng ít (kém, không), lại càng... hơn, lại càng ít (kém)... hơn, bao nhiêu... bấy nhiêu, càng nhiều (ít) như, theo, tùy theo, dựa theo, ...

- Plus... plus, moins... moins, d'autant plus que, d'autant moins que, aussi... que, si... que, autant, autant... autant, selon que, suivant que, ...

a.3. Các kết từ chỉ sự so sánh tương đương đối ứng

- Ai... ấy, ai... người ấy, nào... ấy, nào ... nấy, nào... đó, nào... này, gì... ấy, gì... nấy, đâu... đấy, sao... vậy, nấy... nấy, ...

- Tiếng Pháp không có tương đương

b) *Kết từ tạo dẫn mệnh đề phụ chỉ sự so sánh không tương đương*

Các kết từ loại này được chia thành bốn tiểu loại.

b.1. Các kết từ chỉ sự so sánh khác nhau thuần túy

- Khác, khác với, không như, không giống, nếu... thì, ...

- Không có kết từ tương đương ngoại trừ liên từ **si** đặc biệt chỉ sự so sánh

b.2. Các kết từ chỉ sự so sánh hơn

- Hơn, hơn là, còn hơn, ...

- Plus... que, plus que, encore plus... que, mieux... que, meilleur... que, plutôt que, davantage que...

b.3. Các kết từ chỉ sự so sánh kém hơn

- Kém, kém hơn, không bằng...

- Moins... que, moins que, encore moins... que, pire... que, ...

b.4. Các kết từ chỉ sự so sánh tỷ lệ nghịch

- Càng... càng ít (kém, không), càng ít (kém, không)... càng.

- Plus... moins, moins... plus.

Về việc chuyển dịch các kết từ này chúng ta có một số nhận xét như sau.

Đối với mục a1, đây là những kết từ chính, phổ biến nhất trong cả hai ngôn

ngữ. Việc chuyển dịch được coi là tương đương, không đặt ra những khác biệt lớn. Tuy nhiên chúng ta cần lưu ý một số điểm sau.

- Liên từ *comme* trong tiếng Pháp có tần số sử dụng cao nhất vì nó biểu đạt ý nghĩa so sánh chung nhất. Khi chuyển dịch từ tiếng Việt sang, đây là giải pháp “an toàn”.

- Các kết từ trong tiếng Pháp mang nghĩa trung tính cao, trong khi nhiều kết từ trong tiếng Việt mang nghĩa tình thái. Chẳng hạn, *y như, hết như*, biểu đạt ý tuyệt đối, *dường như, ví như, thể như* biểu đạt nghĩa giả thiết, *khác nào, khác gì* dùng phủ định kép để nhấn mạnh sự tương đương (“Nó làm như vậy *khác* nào quạ mượn lông công”), *tựa như, cảm như, cảm bằng* thường được sử dụng trong ngôn ngữ văn chương, ví von... Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp cần xem xét kỹ chu cảnh để thêm vào một số trạng từ hoặc thay đổi loại mệnh đề phụ để diễn đạt sát nghĩa hơn.

- Trong khi các kết từ khác có thể thay thế được cho nhau thì cặp kết từ *cứ như* và *comme si* là tương đương nhau và chỉ được sử dụng để chuyển dịch cho nhau là hợp lý nhất. Các kết từ này biểu đạt sắc thái nghĩa kép, so sánh và giả thiết.

Đối với mục a2, cần lưu ý hai cấu trúc khác nhau với cặp kết từ sóng đôi tạo dẫn cả hai mệnh đề và với kết từ đơn chỉ tạo dẫn mệnh đề phụ. Cấu trúc thứ nhất sử dụng các cặp kết từ *plus... plus, moins... moins, autant... autant* trong tiếng Pháp và *càng... càng, càng ít... càng ít, càng ít... càng, bao nhiêu... bấy nhiêu* trong tiếng Việt. Cấu trúc thứ hai sử dụng các kết từ còn lại. Về cấu trúc cần lưu ý cặp kết từ

sóng đôi trong tiếng Pháp bao giờ cũng đứng đầu các cụm chủ vị, còn trong tiếng Việt các kết từ này không bao giờ đứng trước cụm chủ vị mà thường đứng sau chủ từ, thậm chí sau cả vị từ.

- **Plus** il travaille, **plus** je gagne.

- Nó càng làm *thì* tôi càng kiếm.

- **Plus** il est malade, **plus** sa femme s'occupe de lui.

- Nó càng ốm, vợ nó chăm sóc nó càng chu đáo.

Chúng ta lưu ý, khi chủ ngữ của hai mệnh đề trùng nhau, trong tiếng Việt người ta thường lược đi một chủ ngữ, còn trong tiếng Pháp không thể làm như thế được.

Một số ví dụ chuyển dịch loại kết từ không sóng đôi tạo dẫn mệnh đề phụ so sánh.

- On obtient un résultat différent **suivant qu'il ajoute ou qu'il retranche cet élément.**

- Người ta sẽ có một kết quả khác nhau tùy thuộc anh ấy thêm vào hay bỏ đi yếu tố ấy.

- **Selon que vous travaillez ou non**, vous gagnez plus ou moins.

- Tùy theo anh có chịu làm hay không, anh sẽ kiếm được không nhiều thì ít.

Mục a3 là trường hợp độc đáo trong tiếng Việt: Kết từ chỉ sự so sánh đối ứng. Như phân tích ở trên, trong mục này không có các kết từ tương đương trong tiếng Pháp. Chúng ta cần phân tích ý nghĩa từng chu cảnh cụ thể để tìm sự chuyển dịch tương đương. Chúng ta có thể chia thành những tiểu loại sau:

a) “Người”, không xác định

Ta có: ai, người nào... ấy, nấy, người ấy, người nấy.

Khi chuyển dịch, chúng ta dùng cấu trúc với đại từ chỉ định *celui* kết hợp với một *đại từ quan hệ*: *celui que* (qui, dont, à qui...). Khi *ai* làm chủ ngữ, ta có mệnh đề phụ là một cụm chủ vị làm chủ ngữ.

- Anh cần **ai**, tôi gọi **người ấy**.

- J'appellerai **celui dont tu as besoin**.

- Anh muốn **người nào**, tôi cho **người ấy**.

- Je te donnerai **celui que tu veux**.

- **Ai** làm, **người ấy** chịu.

- **Qui sème le vent** récolte la tempête.

b) "Người", được xác định bởi danh từ hay đại từ

Ta có: danh từ chỉ người + nào... ấy, nấy, đấy, đó

Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, chúng ta thay đại từ *celui* ở trường hợp trên bằng danh từ tương ứng kết hợp với một đại từ quan hệ.

- Anh cần **sinh viên nào**, tôi gọi **người ấy** (sinh viên ấy)

- J'appellerai **l'étudiant dont tu as besoin**.

- Anh muốn **cô y tá nào**, tôi cho anh **cô y tá ấy**.

- Je te donnerai **l'infirmière que tu veux**.

c) "Vật", không xác định

Ta có: gì, cái gì, điều gì... (cái, điều) ấy, nấy, đấy, đó

Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, chúng ta dùng tính từ chỉ định trung

tính *ce* kết hợp với một *đại từ quan hệ*: *ce que* (qui, dont, à quoi...)

- Anh cần **gì** tôi chuẩn bị **nấy**.

- Je prépare **ce dont tu as besoin**.

- Anh muốn **cái gì**, tôi cho anh **cái ấy**.

- Je te donnerai **ce que tu veux**.

Trong tiếng Việt ở trường hợp này còn có cặp kết từ *sao... vậy*

- Je ferai **ce que tu m'auras dit**.

- Anh bảo **sao** tôi làm **vậy**.

d) "Vật", được xác định bởi một danh từ hay đại từ

Ta có: danh từ chỉ vật + nào... ấy, nấy, đấy, đó

Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, chúng ta sử dụng cấu trúc như trong mục b.

- Anh cần **quyển sách nào**, tôi cho anh **quyển ấy**.

- Je te donnerai **le livre dont tu as besoin**.

e) Từ chỉ địa điểm

Ta có cặp kết từ sóng đôi: *đâu... đấy*

Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, chúng ta dùng cấu trúc với cụm từ quan hệ chỉ địa điểm *là où*.

- Anh đi **đâu**, tôi đi **đấy**.

- Je viens **là où tu vas**.

f) Từ chỉ thời gian

Ta có: khi (lúc) nào... khi (lúc...) ấy

Khi chuyển dịch sang tiếng Pháp, chúng ta dùng cấu trúc với cụm từ quan hệ chỉ thời gian *au moment où*, *jusqu'au moment où*, hoặc cũng có thể chỉ đơn thuần dùng một mệnh đề phụ chỉ thời gian (không thật sát nghĩa)

- Anh đến **lúc nào** tôi đi **lúc ấy**.

- Je partirai **au moment où** tu
- **Quand** tu viendras, je partirai.

Chúng ta lưu ý, trong tất cả các tiểu loại của mục a3, có sự hoán đổi của hai mệnh đề (hai vế): vế đứng trước trong tiếng Việt sẽ chuyển ra thành mệnh đề phụ đứng sau trong tiếng Pháp và vế sau trong tiếng Việt sẽ chuyển ra thành mệnh đề chính đứng đằng trước trong tiếng Pháp. Từ sự đối chiếu này, chúng ta cũng có thể giải quyết khó khăn khi phải xác định mệnh đề chính và mệnh đề phụ trong trường hợp so sánh đối ứng: mệnh đề trong tiếng Việt đi với *ấy, nấy, đấy, đó, vậy...* là mệnh đề chính, còn mệnh đề đi với *ai, gì, nào, đâu, sao...* sẽ là mệnh đề phụ.

Đối với mục b1, thực ra các từ tạo dẫn tiếng Việt có thể được coi là các từ loại khác nhau, không hẳn chỉ là kết từ.

Quan sát câu: “- Chúng tôi chơi vui **khác** (không như...) chúng nó đánh bạc ăn tiền”; chúng ta nhận thấy nếu coi “**khác** chúng nó đánh bạc ăn tiền” là mệnh đề phụ so sánh thì *khác* sẽ là kết từ, nhưng nếu coi *đánh bạc ăn tiền* là mệnh đề phụ định ngữ cho đại từ *chúng nó* thì *khác* sẽ là tính từ bổ nghĩa cho *chúng nó*. Chúng tôi nghiêng về quan điểm cho rằng các từ tạo dẫn trên là các kết từ vì rằng sự so sánh không chỉ dừng lại ở danh từ (hay đại từ) mà là cả hành động đi theo sau nữa.

- **Không giống** (khác...) n hững kẻ hèn nhát bỏ chạy trước khó khăn, chúng tôi đã trụ lại mười năm nay ở miền đất xa xôi nà

Trong tiếng Pháp, ngoài cách chuyển dịch sử dụng liên từ *si*, người ta còn

thường dùng cấu trúc so sánh với danh từ và đi kèm với một mệnh đề phụ quan hệ làm định ngữ như chúng ta đã phân tích ở trên. Cấu trúc với *si* trong tiếng Pháp có một cấu trúc tương đương trong tiếng Việt với cặp kết từ sóng đôi *nếu ... thì*. (kết từ k_2 *thì* trong tiếng Việt ở trường hợp này là bắt buộc).

- **Si** la spécialité de votre province est la canne à sucre, la nôtre est le cocotier.

- **Nếu** tỉnh anh có cây mía thì tỉnh tôi có cây dừa.

Đối với mục b2 và b3, khác với các kết từ thông thường trong hai ngôn ngữ, ở đây các kết từ trong tiếng Việt là các kết từ đơn (không có kết từ sóng đôi), còn các kết từ trong tiếng Pháp lại thường là các kết từ rời với hình vị so sánh *que*. Chúng ta lưu ý khi chuyển dịch, yếu tố so sánh trong tiếng Pháp hoặc đứng sau *plus que, moins que...*, hoặc kẹp giữa hai yếu tố *plus (moins)...* *que*, còn trong tiếng Việt yếu tố được so sánh đứng trước các kết từ so sánh. Nếu chủ ngữ trong tiếng Pháp của hai mệnh đề trùng nhau, nó sẽ được tỉnh lược trong tiếng Việt. Còn nếu vị ngữ trùng nhau thì trong tiếng Việt mệnh đề phụ bị lược bỏ, chỉ còn lại cụm danh từ mà thôi.

- Anh ấy kiếm tiền giỏi **hơn là** tôi tưởng nhiều.

- Il a pu gagner **mieux que** je le croyais.

- Les maux de l'âme sont-ils **plus faciles à guérir que** ne le sont les maux corporels? (Balzac)

- Liệu cái đau của tâm hồn có **đễ chữa hơn là** cái đau của thể chất không?

- Il se distrait **plutôt qu'il ne travaille**.

- Nó ham chơi **hơn** là làm việc.

Đối với mục b4, về mặt cấu trúc là tương tự với các cấu trúc trong mục a2 chỉ khác về ý nghĩa, một bên là sự so sánh tương đương tỷ lệ thuận còn một bên là sự so sánh tỷ lệ nghịch. Chúng ta áp dụng các phương thức chuyển dịch như đã đề xuất ở mục a2.

- Nó **càng** viết lách, **thì càng** cảm thấy sung sướng. (mục a2)

- **Plus** il écrit, **plus** il se sent heureux.

- Nó **càng ít** viết lách **thì càng** cảm thấy buồn chán. (mục b4)

- **Moins** il écrit, **plus** il s'ennuie.

Về cách sử dụng các phương thức ngôn ngữ khác biểu đạt sự so sánh ngoài mệnh đề phụ, có sự tương đồng tương đối giữa tiếng Pháp và tiếng Việt, đặc biệt khi có cơ hội lược bỏ các thành phần nào đó trùng lặp trong hai mệnh đề so sánh chính phụ trong một ngôn ngữ, người ta

thường cũng có thể làm như vậy trong ngôn ngữ kia.

- Tôi có một ý kiến hoàn toàn **khác**

- J'ai une toute autre opinion que la vôtre.

- Tôi có một ý kiến hoàn toàn **khác với anh**.

- J'ai une toute autre opinion que vous.

- Elle chante bien **comme un rossignol (chante)**.

- Cô ấy hát hay như một con chim họa mi (hót).

Từ sự công nhận sự tồn tại của loại mệnh đề phụ so sánh trong tiếng Việt đến việc tìm kiếm các giải pháp hợp lý để chuyển dịch giữa hai ngôn ngữ Việt và Pháp là những vấn đề hết sức lí thú. Một vài suy nghĩ của chúng tôi hy vọng sẽ góp phần hữu ích cho việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt và việc dạy tiếng Pháp cho đối tượng là người nói tiếng Việt. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng nghiệp và các nhà nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1998.
2. Hữu Đạt, Trần Trí Dõi, Đào Thanh Lan, *Cơ sở tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập II, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1964.
4. Nguyễn Minh Thuyết, *Thử giải đáp hai vấn đề cơ bản về thành phần câu*, In trong Lưu Vân Lăng (Chủ biên), *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1994.
5. Ủy ban Khoa học Xã hội, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, 1983.
6. Dubois, Jean-Lagane, René., *Grammaire Larousse*, Paris, 1995.
7. Grévisse, Maurice., *Peescis de grammaire français*, Paris, 1993.
8. *Dictionnaire de grammaire et des difficultés grammaticales*, Paris, 1998.
9. Steinberg, Nicolas, *français*, Paris, 1972.

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF ONE TYPE OF COMPARATIVE
SUBORDINATE CLAUSE IN FRENCH AND VIETNAMESE.
INTERPRETATION TECHNIQUES

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Lan Trung

College of Foreign Languages - VNU

This article is focused on contrastive analysis of one common type of comparative subordinate clause in French and Vietnamese.

The analysis made on auxiliaries, introductory markers (conjuncts) as well as possible ways of complementing, which serves as a classificatory basis for such dependent clauses.

On the basis of the results gained, the author has boldly offered some possible suggestions for the translation of this type of dependent clause pattern from French into Vietnamese and vice versa. These suggested translation techniques are only of minor status but they prove to be of great methodological value in language teaching, especially for foreign learners of Vietnamese and Vietnamese learners of French.